**THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ CẤP THẺ TẠM TRÚ CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI**

|  |  |
| --- | --- |
| **1** | **Trình tự thực hiện** |
| **Bước 1:** Chuẩn bị hồ sơ theo quy định của pháp luật.  **Bước 2:** Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp (sau đây gọi tắt là tổ chức), cá nhân mời, bảo lãnh người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam nộp hồ sơ đề nghị cấp thẻ tạm trú tại trụ sở làm việc của Phòng Quản lý xuất nhập cảnh, Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc nộp hồ sơ qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công Bộ Công an và gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích theo thông báo của Cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công Bộ Công an (nếu có).  Cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ:  - Trường hợp hồ sơ đã hợp lệ thì tiếp nhận hồ sơ và trả giấy biên nhận cho người nộp hồ sơ hoặc thông báo trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công Bộ Công an.  - Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung hoặc chuẩn bị lại hồ sơ hoặc thông báo trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công Bộ Công an.  - Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì không tiếp nhận hồ sơ, trả lời bằng văn bản hoặc thông báo trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công Bộ Công an và nêu rõ lý do;  - Trường hợp hồ sơ được nộp qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công Bộ Công an mà thuộc thẩm quyền giải quyết của Cục Quản lý xuất nhập cảnh thì chuyển thông tin đến Cục quản lý xuất nhập cảnh và thông báo cho người nộp hồ sơ biết;  - Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến, người đề nghị cấp thẻ tạm trú có thể đề nghị nhận kết quả qua dịch vụ bưu chính và phải trả phí dịch vụ chuyển phát.  **Bước 3:** Trả kết quả.  - Người nhận đưa giấy biên nhận để đối chiếu; Cán bộ trả kết quả thuộc Phòng Quản lý xuất nhập cảnh kiểm tra, thu lệ phí và trả kết quả cho người nhận.  - Trường hợp đề nghị nhận kết quả qua dịch vụ bưu chính thực hiện theo hướng dẫn của cơ quan cung cấp dịch vụ bưu chính;  - Trường hợp chưa cấp thẻ tạm trú thì trả lời bằng văn bản hoặc thông báo trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công Bộ Công an và nêu rõ lý do. |
| **2** | **Cách thức thực hiện** |
| Trực tiếp nộp tại trụ sở Phòng Quản lý xuất nhập cảnh, Công an tỉnh Nghệ An, địa chỉ: 2C Trần Huy Liệu, phường Trường Thi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.  - Trực tuyến: nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công Bộ Công an.  - Dịch vụ bưu chính: nộp bổ sung hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích theo thông báo của Cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh Công an cấp tỉnh trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công Bộ Công an (nếu có).  Thời gian: Từ thứ 2 đến thứ 7 hàng tuần (trong giờ hành chính) trừ ngày nghỉ, lễ Tết. |
| **3** | **Thành phần hồ sơ** |
| a) 01 Văn bản đề nghị theo Mẫu NA6 đối với tổ chức mời, bảo lãnh;  b) 01 Văn bản đề nghị theo Mẫu NA7 đối với cá nhân mời, bảo lãnh;  c) 01 Tờ khai đề nghị cấp thẻ tạm trú có dán ảnh theo Mẫu NA8 (kèm 02 ảnh mới chụp, cỡ 2x3 cm, phông nền trắng, mặt nhìn thẳng, đầu để trần, không đeo kính màu, 01 ảnh dán vào tờ khai và 01 ảnh để rời);  d) Hộ chiếu của người nước ngoài;  e) Giấy tờ chứng minh thuộc trường hợp quy định tại Điều 36 Luật số 51 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của NNN tại Việt Nam.  g) Trước khi làm thủ tục mời, bảo lãnh người nước ngoài nhập cảnh Việt nam, tổ chức xã hội, doanh nghiệp, tổ chức khác có tư cách pháp nhân theo quy định của pháp luật Việt Nam, chi nhánh của thương nhân nước ngoài, văn phòng đại diện tổ chức kinh tế, văn hóa và tổ chức chuyên môn khác của nước ngoài tại Việt Nam phải gửi văn bản thông báo cho cơ quan quản lý xuất nhập cảnh kèm theo hồ sơ, bao gồm:  + Bản sao có chứng thực giấy phép hoặc quyết định của cơ quan có thẩm quyền về việc thành lập tổ chức;  + Văn bản giới thiệu con dấu, chữ ký của người có thẩm quyền của tổ chức (theo mẫu NA16);  h) Cá nhân là công dân Việt Nam khi lần đầu bảo lãnh làm thủ tục cho thân nhân là người nước ngoài phải xuất trình giấy tờ chứng minh mối quan hệ, thẻ Căn cước công dân.  (*Việc thông báo chỉ thực hiện một lần, khi có sự thay đổi nội dung trong hồ sơ phải thông báo bổ sung*). |
| **4** | **Số lượng hồ sơ** |
| 01 (một) bộ |
| **5** | **Thời hạn giải quyết** |
| 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ |
| **6** | **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính** |
| Cá nhân, tổ chức |
| **7** | **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính** |
| Phòng Quản lý xuất nhập cảnh, Công an tỉnh Nghệ An, địa chỉ: 2C Trần Huy Liệu, phường Trường Thi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. |
| **8** | **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính** |
| Cấp thẻ tạm trú |
| **9** | **Lệ phí** |
| a) Thẻ tạm trú có thời hạn không quá 2 năm: 145 USD/thẻ;  b) Thẻ tạm trú có thời hạn từ trên 02 năm đến 05 năm: 155 USD/thẻ;  c) Thẻ tạm trú có thời hạn từ trên 05 năm đến 10 năm: 165 USD/thẻ;  d) Chuyển ngang giá trị thẻ tạm trú còn giá trị từ hộ chiếu cũ sang hộ chiếu mới: 5 USD/chiếc. |
| **10** | **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai** |
| a) Văn bản đề nghị của tổ chức, cá nhân làm thủ tục mời, bảo lãnh; Mẫu NA6 đối với tổ chức, Mẫu NA7 đối với cá nhận (kèm theo);  b) Tờ khai đề nghị cấp thẻ tạm trú: Mẫu NA8 (kèm theo);  c) Văn bản giới thiệu con dấu, chữ ký của người có thẩm quyền của tổ chức: Mẫu NA16 (kèm theo). |
| **11** | **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính** |
| a) Người nước ngoài có hộ chiếu hợp lệ và không thuộc diện "Chưa cho nhập cảnh", "Tạm hoãn xuất cảnh" theo quy định của pháp luật Việt Nam;  b) Tổ chức đề nghị cấp thẻ tạm trú cho người nước ngoài tại Việt Nam đã có hồ sơ chứng minh tư cách pháp nhân tại Phòng Quản lý xuất nhập cảnh, Công an tỉnh Nghệ An và là đơn vị mời, bảo lãnh người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam;  c) Công dân Việt Nam đề nghị cấp thẻ tạm trú cho người nước ngoài phải là người có quan hệ thân nhân (cha, mẹ, vợ, chồng, con,…) với người nước ngoài (xuất trình giấy tờ chứng minh quan hệ). |
| **12** | **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính** |
| a) Luật nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam (Luật số 47/2014/QH13, ngày 16/6/2014);  b) Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam (Luật số 51/2019/QH14, ngày 25/11/2019);  c) Luật số 23/2023/QH15 ngày 24/6/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam và Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam, có hiệu lực từ ngày 15/8/2023.  d) Thông tư số 31/2015/TT-BCA ngày 06/7/2015 của Bộ Công an hướng dẫn một số nội dung về cấp thị thực, cấp thẻ tạm trú, cấp giấy phép xuất nhập cảnh, giải quyết thường trú cho người nước ngoài tại Việt Nam;  e) Thông tư số 04/2015/TT-BCA ngày 05/01/2015 của Bộ Công an quy định mẫu giấy tờ liên quan đến việc nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam;  f)Thông tư số 22/2023/TT-BCA ngày 30/06/2023 của Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số mẫu giấy tờ ban hành kèm theo Thông tư số 04/2015/TT-BCA ngày 05/01/2015 của Bộ Công an quy định mẫu giấy tờ liên quan đến việc nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 57/2020/TT-BCA ngày 10/06/2020 của Bộ trưởng Bộ Công an.  g) Thông tư số 25/2021/TT-BTC ngày 07/04/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, cư trú tại Việt Nam. |